

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 03-5-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Thông
Bà Hoàng Thị Hải Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 03/2024/HNGĐ-ST ngày 05/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi thường trú: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

3. Người kháng cáo: bị đơn anh Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H ngày 23/5/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về

làm dâu và sống chung cùng anh **H** ngay. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ nhau về tình cảm, vợ chồng có cãi nhau, anh **H** đã nhiều lần đánh, chửi chị, có những lời lẽ thô tục xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị, vợ chồng chị ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh **Nguyễn Văn H**.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu **Nguyễn Như Q**, sinh ngày 18/5/2013, cháu **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 23/8/2015. Hiện nay cháu **Nguyễn Như Q** đang sinh sống cùng chị, cháu **Nguyễn Thị T** đang sinh sống cùng anh **H**. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con. Chị hiện nay đang làm giảng viên tại **Trung Tâm chính trị huyện H** có công việc, thu nhập ổn định tổng thu nhập khoảng 16.000.000 đồng/tháng; có nhà ở riêng đủ điều kiện để nuôi hai con chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị **P** trình bày: Chị không đồng ý giao con chung cho anh **H** nuôi dưỡng lý do anh **H** có xu hướng bạo lực nhiều lần đánh chị, chửi, xúc phạm đến chị và gia đình chị một cách thô tục trước mặt các con; có nhiều lời lẽ thô tục đối với các con; chửi bới, xúc phạm, dọa nạt các con, điều đó làm ảnh hưởng nhiều đến tâm sinh lý, nhân cách của các con (Các tài liệu chứng cứ chị đã cung cấp cho Tòa án); chị cung cấp một USB có chứa các file ghi âm, videos thể hiện anh **H** chửi, xúc phạm chị và các con.

Về tài sản chung: Chị đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ruộng đất, công sức: Chị đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh **Nguyễn Văn H** trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị **Nguyễn Thị P** ngày 23/5/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn **UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang**. Sau khi kết hôn chị **P** về làm dâu và sống chung cùng anh ngay. Quá trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc, đến tháng 7/2023 vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị **P** yêu cầu được ly hôn anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị **P**.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là cháu **Nguyễn Như Q**, sinh ngày 18/5/2013 và cháu **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 23/8/2015. Hiện nay cháu **Nguyễn Như Q** đang sinh sống cùng chị **P**, cháu **Nguyễn Thị T** đang sinh sống cùng anh. Vợ chồng ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị **P** cấp dưỡng nuôi con. Anh hiện đang công tác tại **trường cao đẳng K tại Bắc Giang**, thu nhập trung bình 12.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa đối với các file ghi âm chị **P** cung cấp được công khai tại phiên tòa; anh **H** thừa nhận giọng nói trong các file ghi âm do chị **P** cung cấp tại phiên tòa là của anh, anh thừa nhận có những lời lẽ không chuẩn mực đối với vợ và các con chung và anh thừa nhận là khiếm khuyết, hạn chế của anh.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ruộng đất, công sức: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 03/2024/HNGĐ-ST ngày 05/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh **Bắc Giang** đã áp dụng Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị P** và anh **Nguyễn Văn H**.

Về nuôi con chung: Giao cho chị **Nguyễn Thị P** được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là **Nguyễn Như Q**, sinh ngày 18/5/2013; **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 23/8/2015. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 09/01/2024 anh **Nguyễn Văn H** kháng cáo bản án nêu trên về phần nuôi con chung. Anh đề nghị được nuôi hai con chung **Nguyễn Như Q**, **Nguyễn Thị T**.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị P** không rút đơn khởi kiện, bị đơn anh **Nguyễn Văn H** không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh **Nguyễn Văn H** trình bày: Anh kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên về phần giải quyết nuôi con chung, anh không đồng ý bản án sơ thẩm giao hai con chung cho chị **P** nuôi. Anh đề nghị giao hai con chung là cháu **Q** và cháu **T** cho anh nuôi dưỡng. Với lý do giao hai con cho anh nuôi sẽ có điều kiện phát triển tốt hơn về vật chất và tinh thần. Anh có đầy đủ điều kiện chăm sóc các con, nguyện vọng được nuôi hai con vì anh không muốn tách hai con ra. Trường hợp không được nuôi hai con thì anh đề nghị giao cháu **T** cho anh vì hiện nay cháu **T** đang ở

cùng anh, anh chăm sóc cháu chu đáo, trường học gần nhà. Nếu được nuôi hai con chung anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Anh hiện đang là giáo viên Trường cao đẳng N nhưng anh đang dạy ở huyện H và dạy trong giờ hành chính. Thu nhập khoảng 15 triệu đồng đến 17 triệu đồng/tháng, anh có nhà riêng. Anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của anh. Các tài liệu chứng cứ mà chị P cung cấp ở Tòa sơ thẩm về tin nhắn và file ghi âm là có và anh công nhận là giọng của anh.

Chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị không đồng ý với ý kiến và trình bày của anh H, chị nuôi hai con sẽ có đủ điều kiện cả về vật chất, tinh thần, hai cháu là con gái, đang tuổi dậy thì có sự thay đổi về tâm sinh lý cần sự chăm sóc, quan tâm của mẹ hơn. Chị là giảng viên Trung tâm chính trị huyện H, thu nhập khoảng 16 triệu đồng/tháng. Chị làm giờ hành chính và gần nhà, bảo đảm thời gian chăm sóc con, chị có nhà riêng, anh H thường xuyên đi công tác bỏ mặc con, tư cách đạo đức lối sống không lành mạnh hay vắng tục, chửi các con, ngăn cản chị thăm con vì cháu Q ở cùng chị, cháu T ở cùng anh H. Các tài liệu chứng cứ chứng minh chị đã cung cấp cho Tòa sơ thẩm và anh H thừa nhận là giọng của anh, ngoài ra các con có đơn trình bày có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con. Chị đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chị P, bị đơn anh H có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần giao con chung.

Về án phí: Do kháng cáo của anh Nguyễn Văn H không được chấp nhận nên anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến tranh luận, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn H kết hôn ngày 23/5/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị P yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P. Do vậy bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị P và anh H. Các

đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị P, anh H có hai con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 18/5/2013, cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 23/8/2015. Hiện nay cháu Q ở với chị P, cháu T ở cùng anh H. Vợ chồng ly hôn, cả chị P và anh H đều yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Bản án sơ thẩm giao cho chị Nguyễn Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Như Q, sinh ngày 18/5/2013, cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 23/8/2015. Anh H kháng cáo đề nghị được nuôi hai con chung là cháu Q và cháu T. Tại phiên tòa phúc thẩm anh H đề nghị trường hợp không được nuôi hai con chung, anh đề nghị giao cháu T cho anh nuôi dưỡng vì cháu T hiện đang ở cùng anh. Xét kháng cáo của anh H Hội đồng xét xử thấy:

Về điều kiện nuôi con chung của chị P và anh H là ngang nhau, anh H, chị P đều có việc làm, có thu nhập ổn định, có nơi ở, có thời gian chăm lo cho các con. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị P cung cấp đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thể hiện: Trong quá trình chung sống anh H có nhiều lần có những lời lẽ không đúng mực đối với chị P và các con chung là cháu Q và cháu T. Do vậy làm ảnh hưởng đến việc phát triển về tâm sinh lý và nhân cách của các con, đặc biệt các con đều là con gái đang trong độ tuổi phát triển về tâm, sinh lý. Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm chị P tiếp tục giao nộp đơn trình bày nguyện vọng của cháu Q, cháu T đều trình bày có nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị P. Do vậy, Bản án sơ thẩm giao hai con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 18/5/2013, cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 23/8/2015 cho chị P nuôi dưỡng là có cứ và đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của các con chung theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm anh H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của anh là có căn cứ.

Từ nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Nếu sau này anh H chứng minh được chị P không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi hôn theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng được khấu trừ

vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh **Nguyễn Văn H**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung.

Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về nuôi con chung: Giao cho chị **Nguyễn Thị P** trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu **Nguyễn Như Q**, sinh ngày 18/5/2013, cháu **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 23/8/2015 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: anh **Nguyễn Văn H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003720 ngày 09/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Hiệp Hòa;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- TAND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT PHỨC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hiền

-Lưu Hồ sơ, THCTP.

